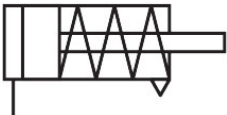


# Xylanh nhỏ gọn AEN-S-10-10-I

Số bộ phận: 4891760

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 10 mm                                                         |
| Ø pít tông                                            | 10 mm                                                         |
| Đệm                                                   | không có đệm                                                  |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                   | nhấn                                                          |
| Đầu thanh piston                                      | Ren trong                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tông<br>Cần piston                                        |
| Các biến thể                                          | thanh pít-tông một mặt                                        |
| Áp suất vận hành                                      | 0.15 MPA...0.8 MPA<br>1.5 bar...8 bar                         |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -10 °C...60 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.012 J                                                       |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 5.3 N                                                         |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 41.7 N                                                        |
| Khối lượng di chuyển                                  | 5.3 g                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                                  | 19 g                                                          |
| Kiểu gắn                                              | với lỗ xuyên                                                  |
| Cổng nối khí nén                                      | M3                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Con dấu động vật liệu                                 | NBR<br>TPE-U (PU)                                             |
| Vật liệu vỏ                                           | Hợp kim nhôm rèn<br>anốt hóa                                  |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép không gỉ hợp kim cao                                     |